

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **405/2023/DS-PT**

Ngày: 12/9/2023

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Bình**.

Các Thẩm phán: 1/- Ông **Võ Bảo Anh**

2/- Bà **Hà Thị Phương Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Huỳnh Thái Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phi** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 393/2023/QĐ-PT ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Võ Tuyết A**, sinh năm 1958, cư ngụ khu vực P, phường T, quận T, tp ..

Người đại diện hợp pháp: ông **Võ Bá H**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ khu vực P, phường T, quận T, tp . (theo Giấy ủy quyền ngày 09.02.2021)

1.2. Bà **Võ Thị Tuyết N**, sinh năm 1965, cư ngụ khu vực P, phường T, quận T, tp ..

Người đại diện hợp pháp: bà **Võ Tuyết K**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ khu vực P, phường T, quận T, tp . (theo Giấy ủy quyền ngày 23.02.2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Luật sư **Trịnh Hữu B**, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư T7.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1965 (đã chết ngày 13/6/2023)

Người kế thừa tổ tụng của ông T:

a/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1966

b/ Ông **Nguyễn Trung H1**, sinh năm 1985

c/ Bà **Nguyễn Thị Mỹ H2**, sinh năm 1988

d/ Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1990

e/ Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: K. **Tràng Thọ B**, P.T, Q. T, TP .

f/ Bà **Nguyễn Thanh T3**, sinh năm 1986

địa chỉ: Ấp V, xã V, H . V, TP ..

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa tố tụng: ông Nguyễn Anh T4, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ số A, đường L, khu V, phường T, quận B, tp .

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1967, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp ..

Người đại diện hợp pháp của ông B1: Ông Nguyễn Anh T4. sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ số A, đường L, khu V, phường T, quận B, tp .

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp .. (có mặt)

3.3. Bà Võ Tuyết K1, sinh năm 1966, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp .. (vắng mặt)

3.4. Ông Võ Bá N1, sinh năm 1967, cư ngụ: khu vực P, phường T, quận T, tp .. (vắng mặt)

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Lê Tấn T5, sinh năm 1960, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp ..

4.2. Ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1969, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp ..

4.3. Ông Trần Văn T6, sinh năm 1963, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp ..

4.4. Ông Võ Văn N2, sinh năm 1963, cư ngụ khu vực L, phường T, quận T, tp ..

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn – bà Võ Tuyết A, Võ Thị Tuyết N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 23.3.2021, nguyên đơn bà Võ Tuyết A (có ông Võ Bá H đại diện) trình bày:* Hiện hộ bà Võ Tuyết A là chủ sử dụng phần đất thửa 58 theo Giấy đất số 000122, diện tích 2700m² do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997, đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp .. Đất có nguồn gốc do cha mẹ để lại. Năm 1987 gia đình nguyên đơn có cho bị đơn ông Nguyễn Văn T thuê các thửa 55, 58, 1019, 1020, 1022 để canh tác lúa. Đến năm 1990 ông T mua đứt thửa 1019 và đã sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2008 nhà nước làm lộ giao thông Nguyễn Trọng Q cắt ngang các thửa đất, năm 2010 ông T trả lại đất thuê, chỉ giữ lại đất mua thửa 1019 theo Giấy đất nhưng thực tế ông T sử dụng một phần thửa 58, 1019, 1020 như trích đo thể hiện. Lúc trả đất thì bà K nhận đất nhưng không biết vị trí đất của gia đình, bà K tiếp tục cho ông Nguyễn Văn Đ thuê đến nay.

Sau khi kiểm tra bản đồ địa chính thì phát hiện bị đơn trả đất không đúng vị trí mua bán nên khởi kiện yêu cầu ông T trả lại đất sử dụng (01 phần thửa 58, 1019, 1020 vị trí B, D, 1020¹); Đồng thời nguyên đơn đồng ý hoán trả cho ông T thửa 1019 (vị trí D, E, 1019¹) theo đúng Giấy đất đã cấp cho ông T.

* *Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N (có bà Võ Tuyết K đại diện) trình bày:* Hộ bà Võ Thị Tuyết N là chủ sử dụng phần đất thửa 1020 theo Giấy đất số 000123, diện tích 2700m² do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997, đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp .. Quá trình sử dụng, bị đơn ông Nguyễn Văn T lấn chiếm đất nên bà N yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả 135,7m² tại vị trí (1020¹) theo trích đo.

* *Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 11.6.2021, bị đơn ông Nguyễn Văn T (có ông Nguyễn Anh T4 đại diện) trình bày:* Ông Nguyễn Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55/GCN/RĐ ngày 02.01.1991 thuộc thửa 1019, diện tích 2.600m², đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp .. Đất do bị đơn mua/nhận chuyển nhượng đất này vào năm 1990 từ cha mẹ nguyên đơn. Trước khi được cấp Giấy đất thì bị đơn đã sử dụng đất mua (một phần thửa 58, 1019, 1020 như trích đo). Thực tế cơ quan cấp Giấy đất cho ông T thửa 1019 là sai vị trí canh tác. Trong quá trình sử dụng ông T có xây mộ cho người thân vào năm 2000, 2005, 2008 mà không ai phản đối (*gồm mộ của cha, mẹ, chú*). Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý, mà yêu cầu phản tố để sử dụng đất thực tế diện tích 1.803,5m² tại vị trí (B), (D), (1020¹) bao gồm một phần thửa 58, 1020, 1019 như trích đo.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Ông đang quản lý sử dụng đất tranh chấp, trước đây ông T mua đất này từ cha mẹ nguyên đơn. Qua yêu cầu đòi đất của nguyên đơn thì ông B1 không đồng ý mà yêu cầu ổn định cho bị đơn được quyền sử dụng đất theo hiện trạng.

- Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Năm 2010 ông thuê của bà K3 gồm 18 công đất ruộng tâm 3m để canh tác lúa. Trước đó đất do ông B1 thuê đến năm 2010 thì trả đất. Hiện ông đang sử dụng thửa 1019, nếu đất thuộc quyền sử dụng của ai thì ông sẽ thỏa thuận với người có quyền để thuê lại.

- Bà Võ Tuyết K1 trình bày: Bà thừa nhận bà Võ Tuyết A là chủ sử dụng thửa đất 58 diện tích 2700m² do cha mẹ để lại. Trước đây cha mẹ cho ông T thuê toàn bộ khu đất của gia đình rồi ông T mua thửa 1019 hiện nay các bên tranh chấp.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 đã tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết A (có ông Võ Bá H đại diện) và bà Võ Thị Tuyết N (có bà Võ Tuyết K đại diện) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T - đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T (có ông Nguyễn Anh T4 đại diện) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn bà Võ Tuyết A, bà Võ Thị Tuyết N - đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

- Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sử dụng đất tại vị trí (B), (D), (1020¹) là một phần thửa 58, 1019, 1020 có tổng diện tích 1.803,5m² theo Trích đo địa chính. Đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000122 (*số sêri K 415236*) do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997 cho hộ Võ Tuyết A đứng tên quyền sử dụng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000123 (*số sêri K 415241*) do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997 cho hộ Võ Thị Tuyết N đứng tên quyền sử dụng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55/GCN/RĐ do UBND huyện T cấp ngày 02.01.1991 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

- Bà Võ Tuyết A được toàn quyền sử dụng đất tại vị trí E, C, thửa 1019¹ có tổng diện tích 1.772,9m² theo Trích đo địa chính. Đất thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55/GCN/RĐ do UBND huyện T cấp ngày 02.01.1991 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000122 do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997 cho hộ Võ Tuyết A đứng tên quyền sử dụng đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh vị trí, diện tích sử dụng.

Trường hợp bà A, bà N không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*thửa 58, 1020*) để cấp mới Giấy đất cho ông T thì cơ quan cấp Giấy đất có quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A, bà N để cấp mới cho ông T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/5/2023 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn phát biểu quan điểm tranh luận: Bị đơn đã sử dụng thửa đất lớn không phải chỉ riêng phần đất các bên tranh chấp do trước đây thuê của cha mẹ các nguyên đơn. Sau khi nhận chuyển nhượng, bị đơn đi kê khai đăng ký và được cấp giấy đến nay không có ý kiến gì về việc cấp giấy đất không đúng vị trí, không có việc cơ quan có thẩm quyền đo đạc và cấp sai vị trí đất của bị đơn. Khi nhà nước làm đường lộ Nguyễn Trọng Q thì bị đơn đã giữ lại phần đất cạp lộ và nhận tiền bồi hoàn chứng tỏ bị đơn biết rõ vị trí đất của mình là thửa đất nào. Ngoài ra phần ba ngôi mộ là nằm ngay góc vị trí D của thửa 1019 là phần ranh tiếp giáp với thửa 58. Bị đơn biết rõ và các nguyên đơn do tin tưởng nên đã hoán đổi vị trí đất so với giấy được cấp. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, chấp nhận toàn bộ khởi kiện của các nguyên đơn.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Về nội

dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất và một phần diện tích bị đơn lấn chiếm của các nguyên đơn. Nhận thấy, các bên đều thừa nhận năm 2010 bị đơn trả lại phần đất thuê cho nguyên đơn thì có bà Võ Tuyết K là em ruột các nguyên đơn nhận thay và không có ý kiến gì. Bị đơn tiếp tục sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng từ cha mẹ các nguyên đơn từ năm 1989, bị đơn đã chôn cất người thân trên đất, các nguyên đơn biết nhưng cũng không phản đối. Đồng thời, các lời khai của những người làm chứng ở gần khu vực đất tranh chấp xác định ông T đã nhận đất năm 1989 khi đó đất đã được lên bờ, trồng xoài và ông T đã sử dụng từ đó cho đến nay. Cho thấy khi bị đơn nhận chuyển nhượng thì không có đo đạc thực tế mà nhận đất trên cơ sở ông T sử dụng thực tế, phía nguyên đơn cũng thừa nhận không biết vị trí các thửa đất của mình nằm ở vị trí nào nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho ông T là không đúng vị trí. Việc cấp giấy đất không đúng vị trí một phần do lỗi của bị đơn khi kê khai đăng ký là thửa 1019 nên cơ quan cấp giấy dựa trên đơn xin đăng ký của bị đơn. Xét thấy bị đơn đã sử dụng phần đất này đã lâu nên cần ổn định cho bị đơn tiếp tục sử dụng là phù hợp. các nguyên đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1.1] Các nguyên đơn bà Võ Tuyết A, bà Võ Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất mà các nguyên đơn cho rằng bị đơn đã sử dụng sai vị trí được cấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp quyền sử dụng đất” là có căn cứ theo Điều 26,35 BLTTDS và Điều 203 Luật đất đai 2013.

[1.2] Các nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, có nội dung ứng án phí kháng cáo nên kháng cáo của các nguyên đơn là hợp lệ về mặt hình thức.

[2.1] Xét kháng cáo của bà Võ Tuyết A, Võ Thị Tuyết N:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vào những năm 1987 có thuê thửa đất lớn của cha mẹ các nguyên đơn để canh tác. Đến năm 1989 thì nhận chuyển nhượng một phần đất và đã được cấp giấy thửa đất 1019. Năm 1997 các nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bà Võ Tuyết A được cấp thửa 58, bà Võ Thị Tuyết N được cấp thửa 1020). Đến năm 2010 thì ông Nguyễn Văn B1 là em ruột cùng ông T trả phần đất thuê cho nguyên đơn có bà Võ Tuyết K nhận thay. Các nguyên đơn tiếp tục cho ông Nguyễn Văn Đ thuê đến nay. Ông T giữ lại phần đất mua sử dụng như hiện trạng đo đạc của Tòa án nhưng phía nguyên đơn không bất kỳ ý kiến phản đối hay khiếu nại nào. Quá trình sử dụng đất, bị đơn có chôn cất, xây dựng mồ mã cho người thân trên đất này nhưng nguyên đơn cũng không có bất kỳ ý kiến gì. Tranh chấp chỉ phát sinh sau khi nhà nước mở đường Nguyễn Trọng Q vào năm 2018. Những người làm chứng gồm ông T5, ông K2, ông T6, ông N2 không có quan hệ thân thích với các bên đều thống nhất xác định: Vào khoảng năm 1989 thì ông B1, ông T mua phần đất tranh

chấp này từ cha mẹ các nguyên đơn, thời điểm này đất đã được lên bờ và có trồng cây. Việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy đất không đúng vị trí một phần do lỗi của bị đơn khi kê khai đăng kí là thửa 1019 nên cơ quan cấp giấy dựa trên đơn xin đăng kí của bị đơn dẫn đến việc giấy đất cho bị đơn không đúng vị trí như bị đơn sử dụng. Riêng bà N sử dụng vị trí thửa đất 1020 từ đó đến nay ổn định không tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà N là bà Võ Tuyết K trình bày bà N có sử dụng một phần đất tại thửa 1019 mà ông T đứng tên (vị trí “E” theo bản trích đo). Như vậy trên thực tế cả hai bên sử dụng đất cũng có sự chồng lấn. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn được tiếp tục sử dụng phần đất thực tế bị đơn đang sử dụng là có cơ sở. Các nguyên đơn khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cũng thừa nhận các nguyên đơn không xác định được vị trí các thửa đất của các nguyên đơn là ở đâu mà chỉ biết số thửa khi xem lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi phát sinh tranh chấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận. Ý kiến của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Tuyết N phải chịu. Bà Võ Tuyết A là người cao tuổi nên được miễn.

Về án phí sơ thẩm: giữ nguyên như quyết định án sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định: giữ nguyên như quyết định án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:

-Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Võ Tuyết A, bà Võ Thị Tuyết N.

-Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết A (có ông Võ Bá H đại diện) và bà Võ Thị Tuyết N (có bà Võ Tuyết K đại diện) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T - đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T (có ông Nguyễn Anh T4 đại diện) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn bà Võ Tuyết A, bà Võ Thị Tuyết N - đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

- Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sử dụng đất tại vị trí (B), (D), (1020¹) là một phần thửa 58, 1019, 1020 có tổng diện tích 1.803,5m² theo Trích đo địa chính. Đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000122 (số sêri K 415236) do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997 cho hộ Võ Tuyết A đứng tên quyền sử dụng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000123 (số sêri K 415241) do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997 cho hộ Võ Thị Tuyết N đứng tên quyền sử dụng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55/GCN/RĐ do UBND huyện T cấp ngày 02.01.1991 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

- Bà Võ Tuyết A được toàn quyền sử dụng đất tại vị trí E, C, thửa 1019¹ có tổng diện tích 1.772,9m² theo Trích đo địa chính. Đất thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55/GCN/RĐ do UBND huyện T cấp ngày 02.01.1991 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000122 do UBND huyện T cấp ngày 19.7.1997 cho hộ Võ Tuyết A đứng tên quyền sử dụng đất tại khu vực L, phường T, quận T, tp ..

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh vị trí, diện tích sử dụng.

Trường hợp bà A, bà N không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 58, 1020) để cấp mới Giấy đất cho ông T thì cơ quan cấp Giấy đất có quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A, bà N để cấp mới cho ông T theo quy định pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003905 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bà Võ Tuyết A được miễn.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Võ Tuyết A.

Bà Võ Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 002762 ngày 27.4.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, tp . thành án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 002856 ngày 15.6.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, tp ..

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính: Nguyên đơn bà Võ Tuyết A và bà Võ Thị Tuyết N phải chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) đã thực hiện xong; Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) và có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THADS Q. Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bình